BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: ...../HĐKT-KHSPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 202....

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG
VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT HÀNG HÓA

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
Căn cứ Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010;
Căn cứ Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 hướng dẫn Luật Bưu chính;
Căn cứ Nghị định 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 về kinh doanh dịch vụ logistics;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/06/2023;
Căn cứ Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân;
Căn cứ vào nhu cầu và khả năng hợp tác của hai Bên.

Chúng tôi gồm:

Bên cung cấp dịch vụ (Bên A):		
	Người đại diện:	**Chức vụ:**
	Địa chỉ:	
	Số điện thoại:	Mã số thuế:
	Tài khoản ngân hàng:	
Bên sử dụng dịch vụ (Bên B):		
	Người đại diện:	**Chức vụ:**
	Địa chỉ:	
	Số điện thoại:	Mã số thuế:

Hai Bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cung ứng các dịch vụ vận chuyển hàng hóa cho Bên B bao gồm:

1.1. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa: Bên A cung cấp dịch vụ thông qua các nhà vận chuyển ("NVC") được cấu hình trên hệ thống. Bên B được quyền lựa chọn NVC theo cấu hình của mình, công nghệ SuperAI có thể gợi ý NVC tối ưu. NVC trực tiếp lấy hàng và giao hàng đến người nhận.

1.2. Dịch vụ thu hộ tiền (COD): NVC thu hộ khoản tiền hàng từ người nhận. Bên A có nghĩa vụ chuyển trả đầy đủ cho Bên B theo lịch đối soát.

1.3. Dịch vụ hoàn trả hàng hóa về cho Bên B khi không giao thành công.

1.4. Các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo thỏa thuận.

1.5. Bên A chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng dịch vụ đối với Bên B, phối hợp NVC xử lý mọi vấn đề phát sinh.

1.6. Bên A sử dụng hệ thống tích hợp công nghệ SuperAI (thuộc Công ty Cổ phần SuperShip Việt Nam) để vận hành: tạo vận đơn, gợi ý NVC tối ưu, cập nhật trạng thái, đối soát và báo cáo.

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ DỊCH VỤ

2.1. Giá cước dịch vụ được áp dụng theo Phụ lục hợp đồng đính kèm hoặc theo cấu hình giá trên hệ thống quản lý đơn hàng. Trường hợp có sự không thống nhất giữa các tài liệu đi kèm Hợp đồng, nội dung tại Phụ lục bổ sung ký riêng sẽ được ưu tiên áp dụng cao nhất. Đối với các sai lệch về mức giá giữa Phụ lục 1 và Hệ thống, các Bên thống nhất sẽ căn cứ theo mức giá được ghi nhận trên Hệ thống để thực hiện.

2.2. Bên A có quyền điều chỉnh giá cước dịch vụ và sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản, qua email, thông báo trên hệ thống hoặc kênh thông báo khác. Giá cước mới áp dụng cho các đơn hàng phát sinh sau thời điểm có hiệu lực.

2.3. Bên A xuất hóa đơn cho cước phí dịch vụ theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3: QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA, ĐÓNG GÓI VÀ AN NINH BƯU CHÍNH

3.1. Bên B cam kết không gửi các loại hàng hóa sau đây:

a) Hàng hóa cấm lưu thông, vận chuyển theo quy định pháp luật Việt Nam;

b) Chất cháy, chất nổ, chất độc hại, chất phóng xạ, vũ khí, đạn dược và các loại hàng hóa nguy hiểm khác;

c) Ma túy và các chất gây nghiện;

d) Tiền mặt, giấy tờ có giá, vàng bạc, đá quý (trừ khi có thỏa thuận riêng);

e) Động vật sống, thực vật tươi sống dễ hư hỏng;

f) Hàng hóa hạn chế lưu thông chưa có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, hóa chất...);

g) Các hàng hóa khác bị cấm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Bên B tự đóng gói, niêm phong hàng gửi. Bên B chịu trách nhiệm về mọi hư hỏng do đóng gói không đúng quy cách *(xem chi tiết quy cách đóng gói tại https://superai.vn/)*.

3.3. Bên B cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về hàng gửi: tên hàng hóa, số lượng, khối lượng, giá trị khai báo, thông tin người nhận.

3.4. Bên A có quyền yêu cầu mở kiểm tra hàng hóa nếu nghi ngờ vi phạm khoản 3.1. Phát hiện hàng cấm/hạn chế, Bên A báo cáo cơ quan chức năng theo quy định pháp luật về an ninh bưu chính.

3.5. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hàng gửi. Hàng bị thu giữ, tịch thu hoặc đơn hàng ảnh hưởng gây thiệt hại cho những đơn hàng khác: Bên B bồi thường Bên A mọi thiệt hại phát sinh.

ĐIỀU 4: THANH TOÁN VÀ ĐỐI SOÁT

4.1. Phương thức thanh toán cước phí:

a) Phí giao hàng và các phí phát sinh (bảo hiểm, thu hộ, hoàn hàng, đổi địa chỉ, lưu kho...) được cấn trừ trực tiếp vào tiền thu hộ COD. Số tiền COD còn lại hệ thống SuperShip chuyển trả cho Bên B theo lịch đối soát.

b) Đơn hàng không có COD hoặc COD không đủ bù phí: Bên B thanh toán chênh lệch theo kỳ đối soát.

c) Thanh toán chậm quá 7 ngày kể từ ngày phát sinh mã đối soát âm: lãi suất 0,03%/ngày trên số tiền chậm (ngoại trừ 2 bên có thỏa thuận riêng về công nợ đối soát tháng).

4.2. Phương thức thanh toán tiền thu hộ COD:

a) Lịch chuyển trả COD theo cấu hình Bên B trên hệ thống.

b) COD chuyển trả = COD thu được – Phí giao hàng – Các phí phát sinh theo Phụ lục.

c) Chuyển khoản vào tài khoản Bên B cấu hình trên hệ thống hoặc:

NH: .....

Chủ TK: .....

Số TK: .....

(trường hợp có sự khác biệt giữa TKNH cung cấp ở Hợp đồng/PL so với thông tin khai báo trên hệ thống SuperShip, lấy theo thông tin thẻ chính khách hàng khai báo trên hệ thống)

d) Bên A không được cầm giữ hoặc cấn trừ COD ngoài phí đã thỏa thuận tại Phụ lục trừ trường hợp Bên B vi phạm Điều 3.

e) Vi phạm thanh toán COD chuyển trả: phạt lãi suất 0.03%/ngày tính trên số tiền chậm thanh toán nếu xác định việc chậm thanh toán do lỗi phát sinh từ Bên A.

f) Kỳ đối soát: Hai Bên cùng đối soát cước phí và COD đồng thời. Phần chưa thống nhất đối chiếu kỳ tiếp theo.

4.3. Hóa đơn:

a) Bên A xuất hóa đơn cho cước phí dịch vụ theo quy định pháp luật.

b) Bên B cung cấp đầy đủ thông tin xuất hóa đơn: tên, MST, địa chỉ, email.

ĐIỀU 5: BỒI THƯỜNG

Bên A chịu trách nhiệm bồi thường trước Bên B theo các điều khoản dưới đây. Bên A có quyền truy đòi NVC để thu hồi khoản bồi thường.

5.1. Điều kiện bồi thường:

a) Đơn hàng có khai báo giá trị trên hệ thống đúng với giá trị thực của đơn hàng;

b) Đạt yêu cầu hàng hóa tại Điều 3;

c) Người khiếu nại là người sử dụng dịch vụ hoặc thanh toán cước;

d) Hàng hư hỏng: cung cấp bằng chứng (hình ảnh, video đóng gói và đồng kiểm);

e) Có chứng từ chứng minh giá trị khớp khai báo giá trị hệ thống;

f) Thời hạn: 06 tháng (mất hàng), 01 tháng (hư hỏng/cước) — Luật Bưu chính Điều 38;

g) Không đủ điều kiện: tối đa 04 lần cước.

5.2. Mức bồi thường:

Trường hợp	Mức bồi thường	Tối đa
Mất toàn bộ / thất lạc / hư hại / tráo	100% giá trị	10.000.000đ *(riêng nhà vận chuyển GHN 5.000.000đ)*
Mất / hư một phần	100% phần bị mất (thương lượng)	10.000.000đ *(riêng nhà vận chuyển GHN 5.000.000đ)*
Bao bì rách/vỡ/ướt, hàng nguyên	Thương lượng	10%
Không có căn cứ định giá/Không khai giá	04 lần cước	04 lần cước
Thư từ, tài liệu, ấn phẩm	04 lần cước	04 lần cước

5.3. Quy trình: Tiếp nhận (N) → Xác minh (N+5) → Xác định trách nhiệm (N+10) → Phê duyệt (N+13) → Thanh toán (N+15).

5.4. Miễn trừ: (a) Đã giao thành công đến người nhận, người nhận không ý kiến; (b) Bên B đóng gói sai quy định; (c) Sai thông tin; (d) Thực phẩm ngắn ngày; (e) Thu giữ do thiếu giấy tờ; (f) Đặc tính tự nhiên; (g) Không chứng từ gửi hàng; (h) Vi phạm pháp luật; (i) Không hỗ trợ khiếu nại; (j) Thiệt hại gián tiếp; (k) Bất khả kháng Điều 8.

5.5. Trách nhiệm Bên B: bồi thường Bên A mọi thiệt hại từ: kê khai sai, đóng gói sai, hàng cấm/hạn chế, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho Bên A.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

6.1. Hai Bên bảo mật toàn bộ thông tin: khách hàng, vận hành, tài chính, giá cước, kinh doanh.

6.2. Bên A bảo mật dữ liệu cá nhân theo NĐ 13/2023/NĐ-CP. Vi phạm: bồi thường toàn bộ thiệt hại.

6.3. Dữ liệu đơn hàng thuộc quyền sở hữu Bên B. Bên B có quyền export dữ liệu.

6.4. Nghĩa vụ bảo mật: 02 năm sau chấm dứt HĐ.

6.5. Hai Bên tuân thủ Điều khoản sử dụng nền tảng tại trang thông tin điện tử hệ thống.

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

7.1. Hiệu lực từ ngày ký đến khi hai Bên chấm dứt bằng văn bản hoặc một Bên thông báo.

7.2. Tạm dừng khi Bên A vi phạm Điều 4.2, theo quyết định Bên B.

7.3. Chấm dứt: (a) Hai Bên thống nhất; (b) Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; (c) Một Bên vi phạm không khắc phục sau văn bản yêu cầu.

7.4. Khi chấm dứt: Bên A hoàn tất đơn đang giao, chuyển trả toàn bộ COD, thanh toán bồi thường tồn đọng. Bên B thanh toán cước phí còn nợ.

7.5. Chấm dứt không ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ đã phát sinh trước đó.

ĐIỀU 8: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Sự kiện khách quan, không lường trước, không thể khắc phục: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, thay đổi chính sách.

8.2. Bên bị ảnh hưởng thông báo văn bản kèm chứng từ và giảm thiểu thiệt hại.

8.3. Kéo dài không thể thực hiện: một Bên có quyền chấm dứt HĐ sau khi thông báo.

ĐIỀU 9: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1. Hợp đồng được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

9.2. Tranh chấp: thương lượng trước. Không giải quyết được: Tòa án tại nơi Bên A đặt trụ sở.

9.3. Yêu cầu phát sinh: thỏa thuận bằng phụ lục, là bộ phận không tách rời.

9.4. Điều khoản vô hiệu: phần còn lại vẫn có hiệu lực.

9.5. Thông báo qua: email, văn bản, hệ thống, hoặc kênh khác do hai Bên thỏa thuận.

9.6. HĐ điện tử (nếu có) có giá trị pháp lý tương đương bản giấy theo Luật GDĐT 2023.

9.7. Dịch vụ khác: (a) Report tự động hàng tuần; (b) ZNS thông báo đơn hàng (phí theo hệ thống); (c) Dịch vụ phát sinh thương lượng bổ sung.

9.8. HĐ lập thành 02 bản, mỗi Bên giữ 01 bản, hiệu lực từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: ...../HĐKT-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 202....

PHỤ LỤC 01
GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ, CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH VẬN HÀNH

Căn cứ Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số ...../HĐKT-..... ký ngày .../..../202....

Chúng tôi gồm:

Bên cung cấp dịch vụ (Bên A):		
	Người đại diện:	**Chức vụ:**
	Địa chỉ:	
	Số điện thoại:	Mã số thuế:
	Tài khoản ngân hàng:	
Bên sử dụng dịch vụ (Bên B):		
	Người đại diện:	**Chức vụ:**
	Địa chỉ:	
	Số điện thoại:	Mã số thuế:

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Phụ lục hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: GIÁ CƯỚC VẬN CHUYỂN

1.1. Bảng giá cước do Bên A tự quy định hoặc theo mã đồng giá được cài đặt trên hệ thống:

Khối lượng (≤ kg)	Nội tỉnh	Nội miền	Liên miền
0.5			
1			
1.5			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
> 10kg Giá vượt			

Bảng giá trên đã bao gồm VAT, chưa bao gồm các phụ phí khác.

Ghi chú: *Trường hợp cài đặt trên hệ thống khác với bảng giá, lấy theo giá trên hệ thống.*

1.2. Bên A xuất hóa đơn cho cước phí dịch vụ theo quy định pháp luật.

1.3. Cơ chế cấn trừ phí vào COD và thanh toán cước phí theo Điều 4 Hợp đồng chính.

1.4. Chi phí phát sinh ngoài phạm vi thỏa thuận: hai Bên thương lượng bổ sung.

ĐIỀU 2: QUY ĐỔI KHỐI LƯỢNG

Hạng mục	Quy định
Công thức	D x R x C (cm) / 5000. Lấy max (KL thực, KL quy đổi).
KL tối đa	50 kg/đơn
Kích thước tối đa	Một cạnh ≤ 100 cm. Tổng 3 cạnh ≤ 180 cm

ĐIỀU 3: CHÍNH SÁCH DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Hạng mục	Chi tiết	Ghi chú
Phí lấy hàng	Miễn phí	*Tại địa chỉ Bên B*
Phí hoàn hàng	Số tiền: ….. đ /đơn hàng Theo tỉ lệ: .....% cước đơn giao Miễn phí	
Bảo hiểm/Khai giá	< .....đ: Miễn phí ≥ .....đ: .....% giá trị	*Khai giá là căn cứ xác định mức bồi thường*
Phí COD	< .....đ: Miễn phí ≥ .....đ: .....% tiền thu khách	
Đổi trả	Số tiền: ….. đ /đơn hàng Theo tỉ lệ: .....% cước đơn giao Miễn phí	
Đổi địa chỉ	……đ/lần thay đổi	*Riêng SPX không hỗ trợ đổi địa chỉ khác kho giao*
Đổi SĐT/COD	Miễn phí	*Khi chưa giao*
Đối soát	……..đ / mã đối soát	

ĐIỀU 4: THỜI GIAN XỬ LÝ ĐƠN HÀNG (SLA)

4.1. Thời gian cam kết:

Khu vực	Giao (ngày)	Trả (ngày)	Ghi chú
Nội tỉnh	1 - 2	1 - 2	
Nội miền	1 - 3	1 - 3	
Cận miền	2 - 4	2 - 4	
Liên miền	3 - 6	3 - 6	
Huyện	+ 2 ngày	+ 2 ngày	Cộng thêm
Tuyến đảo	+ 3 - 7 ngày	+ 3 - 7 ngày	Phụ thuộc thời tiết

4.2. Loại trừ: Chủ nhật, lễ Tết, chờ khách hẹn lại, sai SĐT/địa chỉ, bất khả kháng, người gửi không liên lạc được.

4.3 Thời gian toàn trình: 30 ngày kể từ ngày lấy hàng thành công.

ĐIỀU 5: QUY ĐỊNH ĐỐI SOÁT

5.1. Cước phí và COD đối soát cùng lúc do cước cấn trừ trực tiếp vào COD. Lịch đối soát, phương thức thanh toán và thời hạn phản hồi theo Điều 4 Hợp đồng chính.

5.2. Nội dung bảng đối soát: đơn giao thành công, đơn hoàn, cước phí và phí phát sinh từng đơn, COD thu được, số tiền cấn trừ, số tiền thực chuyển trả.

5.3. Ngày đối soát: thứ Hai đến thứ Sáu (trừ thứ Bảy, Chủ nhật, lễ Tết).

ĐIỀU 6: DỊCH VỤ KHÁC

6.1. Report tự động hàng tuần cho Bên B.

6.2. ZNS thông báo lịch trình đơn hàng (nếu sử dụng): phí theo biểu phí hệ thống.

6.3. Dịch vụ phát sinh: hai Bên thương lượng bổ sung bằng văn bản.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1. Phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng số ...../HĐKT-....., hiệu lực từ ngày ký.

7.2. Mâu thuẫn giữa Phụ lục và HĐ chính: Phụ lục được ưu tiên cho các vấn đề quy định tại Phụ lục.

7.3. Hai Bên cam kết thực hiện đúng. Tranh chấp theo Hợp đồng chính.

7.4. Phụ lục lập 02 bản, mỗi Bên 01 bản, giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**